



TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3 (LILAMA 45.3, JSC)  
Địa chỉ: Lô 4k' - Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi.  
Tel: 0255.3710320; Fax: 0255.3710313.  
Email: [info@lilama45-3.com](mailto:info@lilama45-3.com); Website: [www.lilama45-3.com](http://www.lilama45-3.com)



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020



*(Ban hành theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020  
của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

*Quảng Ngãi, tháng 3 năm 2021*



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

-----\*\*\*-----



**LILAMA 45.3**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

**NĂM 2020**

# MUC LỤC

<b>I.</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	
1.	Thông tin khái quát.....	2
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
3.	Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
4.	Định hướng phát triển.....	6
5.	Các rủi ro.....	7
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	9
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	9
2.	Tổ chức và nhân sự.....	10
3.	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư.....	14
4.	Tình hình tài chính.....	14
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.....	15
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	17
<b>III</b>	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....	21
1.	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD.....	21
2.	Tình hình tài chính.....	22
3.	Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách quản lý.....	24
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	25
5.	Giải trình của Ban giám đốc đối với các ý kiến kiểm toán.....	26
6.	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.....	26
<b>IV.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	26
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	26
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	27
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	28
<b>V.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	28
1.	Thành viên Hội đồng quản trị.....	28
2.	Ban kiểm soát.....	33
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	35
<b>VI</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	36
1.	Ý kiến của kiểm toán.....	37
2.	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm 23 trang đính kèm	37



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

TÊN CÔNG TY : CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4400135344  
Vốn điều lệ : 35.000.000.000 đồng  
Vốn đầu tư của CSH : 48.162.958.021 đồng  
Địa chỉ : Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Quảng Ngãi.  
Số điện thoại : 0255.3710 321  
Số FAX : 0255.3710 313  
Website : www.Lilama45-3.com  
Mã cổ phiếu : L43

#### • Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3 (Doanh nghiệp Nhà nước) thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 010A/BXD ngày 27/01/1993 của Bộ xây dựng.
- Theo Quyết định số 04/QĐ-BXD ngày 04/01/2005 của Bộ xây dựng về việc thực hiện sắp xếp đổi mới phát triển các Tổng công ty nhà nước và Doanh nghiệp Nhà nước độc lập thuộc Bộ xây dựng năm 2005 và Công văn số 80/TCT-HĐQT ngày 14/03/2005 của Tổng Công ty Lắp máy Việt nam gửi các công ty thành viên về việc thực hiện cổ phần hoá các Công ty thành viên năm 2005. Công ty lắp máy và Xây dựng 45.3 đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần và đã được Bộ xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại Quyết định số 1810/QĐ-BXD ngày 21/09/2005 với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2005 là 4.565.889.766 đồng.



- Ngày 11/11/2005 Bộ xây dựng có Quyết định số 2112/QĐ-BXD về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty Lắp máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam với số vốn điều lệ 6.815.000.000 đồng (Vốn nhà nước chiếm 51%)

- Ngày 24/03/2006 Công ty Cổ phần Lilama 45.3 chính thức được thành lập theo Quyết định số 497/QĐ-BXD của Bộ trưởng BXD với số vốn điều lệ là: 6.815.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 3.476.000.000 đồng (Chiếm 51%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 3.339.000.000 đồng (Chiếm 49%). Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15 tháng 05 năm 2006 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 340300084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

- Ngày 22/03/2007 Bộ xây dựng có Quyết định số 454/QĐ-BXD về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2006 để bàn giao doanh nghiệp nhà nước: Công ty Lắp máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam sang Công ty cổ phần Lilama 45.3.

- Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC), đến ngày 01/07/2007 vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã tăng lên 35.000.000.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 51%) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất do sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29 tháng 05 năm 2007.

- Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ hai ngày 27 tháng 12 năm 2007, thay đổi giấy phép lần thứ ba vào ngày 20 tháng 03 năm 2008, và thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ tư vào ngày 06 tháng 08 năm 2009 để thay đổi người đại diện pháp luật tại doanh nghiệp.

- Ngày 08/04/2008 Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 128/QĐ - TTGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3. Ngày 11/06/2008 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3 (L43) chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Thực hiện tái cấu trúc sở hữu theo đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Công ty giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025, thời điểm hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là: 35.000.000.000 tỷ đồng. Trong đó: vốn nhà nước chiếm 40,83% (tương đương 1.429.000 CP), các cổ đông khác chiếm 59,17% (tương đương 2.071.000 CP).

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### **+ Ngành nghề kinh doanh:**

Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, các công trình công nghiệp khác, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp), đường dây tải điện, trạm biến thế; Thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất; Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng; Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng và thiết bị chịu áp lực (bình, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy, hoá chất, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp; Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá; Tư vấn khảo sát thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn



đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá huỷ (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; Chống ăn mòn bề mặt kim loại; Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các công trình công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng và hoạt động vui chơi giải trí; vận tải hàng hoá bằng đường bộ và vận tải hành khách đường bộ khác

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế tạo, lắp đặt, tư vấn đầu tư các công trình xây dựng công nghiệp.

**+ Địa bàn kinh doanh:**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Trụ sở/ Chi nhánh

Địa điểm

Trụ sở chính

Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Phường Lê Hồng Phong

Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Chi nhánh

Khu bãi chứa thiết bị và kỹ thuật Lilama tại DQuất

Chi nhánh

Trung tâm tư vấn thiết kế Lilama 45.3 - Lô4 K Tôn

Đức Thắng - TP Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi

Chủ yếu các công trình như: Nhà máy thủy điện Sông Tranh 4; Nhà máy thủy điện ĐăkRe; Nhà máy điện gió Ninh Thuận GD 2; Dự án giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1.



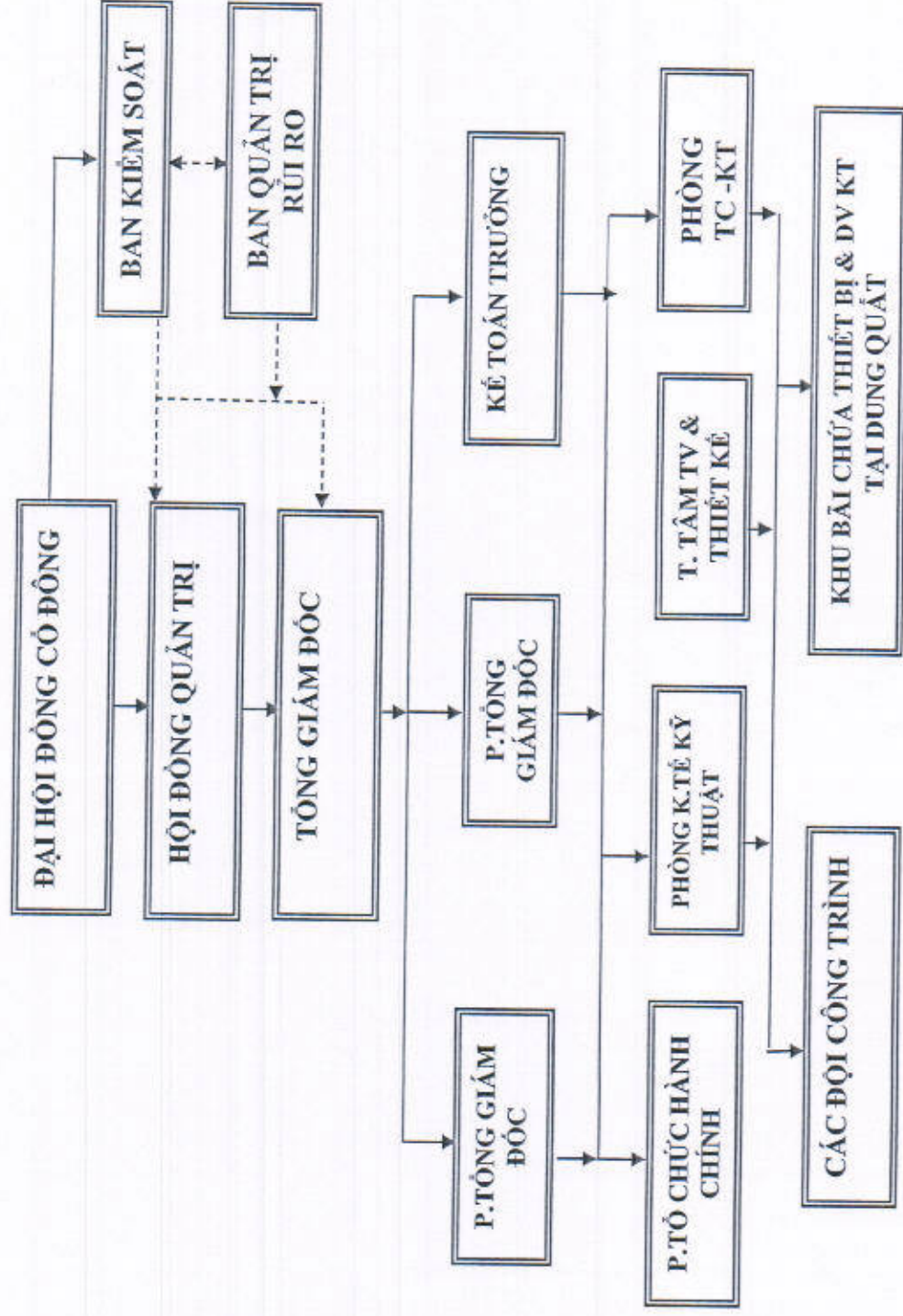
### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Ghi chú:

→ Chỉ đạo

-----> Giám sát

↔-----> Phối hợp





**3.1- Mô hình quản trị:** Công ty Cổ phần Lilama 45.3 thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán bao gồm:

- \* Đại hội đồng cổ đông:
- \* Hội đồng quản trị:
- \* Ban kiểm soát
- \* Ban Tổng Giám đốc
- \* Các bộ phận quản lý

**3.2 – Cơ cấu bộ máy quản lý:** Công ty Cổ phần Lilama 45.3 đến ngày 31/12/2020 gồm Ban Tổng Giám đốc; 03 phòng ban; 01 trung tâm tư vấn thiết kế; 01 khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất và 04 đội công trình trực thuộc Công ty.

- + Ban Tổng Giám đốc
- + Phòng Tổ chức hành chính
- + Phòng Tài chính kế toán
- + Phòng Kinh tế kỹ thuật
- + Trung tâm tư vấn thiết kế
- + Khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Dung Quất
- + 04 đội công trình trực thuộc gồm:
  - Đội công trình Nhà máy thủy điện Sông Tranh 4
  - Đội công trình Nhà máy thủy điện ĐăkRe
  - Đội công trình Nhà máy điện gió Ninh Thuận GD 2
  - Đội công trình Giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh
- + Các Công ty có liên quan
  - Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có
  - Công ty dưới 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, Công ty nắm giữ: Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP nắm giữ 1.429.000 cổ phần chiếm 40,83% vốn điều lệ.

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Năm 2020 chưa thoái được vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn, năm 2021 sẽ tiếp tục thực hiện.

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty có liên quan:

**\* Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP**

Công ty nắm giữ dưới 51% vốn cổ phần của Công ty CP Lilama 45.3 là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106313 cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính: 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh chính: Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường giao dây trạm biến thế điện...

**4. Định hướng phát triển**

**\* Các mục tiêu chủ yếu:**

- Mục tiêu thị trường: Duy trì thị trường truyền thống gia công, chế tạo và lắp đặt thiết bị là chủ yếu. Phần đầu trở thành nhà thầu chế tạo và xây lắp lớn trong địa bàn Miền trung.



- Mục tiêu tài chính: Duy trì tình hình tài chính lành mạnh, tối đa hóa lợi nhuận đảm bảo mức chi trả cổ tức cho các cổ đông.

- Mục tiêu con người: Đào tạo và quản lý, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV công ty, giáo dục phẩm chất, tác phong trong kinh doanh của bộ phận lãnh đạo.

- Sử dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có tại doanh nghiệp.

- Đảm bảo quyền lợi và thu nhập

Công ty cổ phần Lilama 45.3 phấn đấu trở thành một nhà thiết kế, cung cấp thiết bị, phụ tùng và dịch vụ hàng đầu trong nước và khu vực, hướng đến là nhà tổng thầu chuyên nghiệp thực hiện EPC các nhóm ngành dầu khí (lọc hóa dầu, giàn khoan dầu khí, công nghệ chế biến, khác...). Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp thông qua tái cấu trúc để Công ty có thể phát triển bền vững.

• **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

• **Chiến lược phát triển kinh doanh**

Công ty tiếp tục tập trung phát triển ngành nghề truyền thống là: Xây lắp và gia công chế tạo thiết bị. Xây dựng Lilama 45.3 trở thành thương hiệu mạnh trên thị trường có tiềm năng tăng trưởng và cạnh tranh.

• **Chiến lược hoàn thiện phương thức quản lý, điều hành và mô hình quản trị:**

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản trị và điều hành.

- Hoàn thiện mô hình quản lý xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, mô hình quản lý đầu tư, quản lý nhân sự, người đại diện tại đơn vị góp vốn, xây dựng cơ chế đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho các dự án lớn.

- Xây dựng môi trường làm việc văn minh chuyên nghiệp: đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và người lao động, lợi ích của doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội.

• **Chiến lược tài chính:**

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế của Công ty trong lĩnh vực tài chính, kế toán.

- Xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro trong hoạt động tài chính.

- Có các giải pháp nâng cao năng lực cán bộ trong công tác tài chính, kế toán.

- Và các nội dung khác có liên quan.

\* **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Xây dựng môi trường làm việc dân chủ, năng động, đảm bảo trật tự an ninh xã hội, hoạt động sản xuất không để gây ảnh hưởng đến môi trường, xã hội xung quanh, góp phần xây dựng kinh tế xã hội phát triển.

## **5. Các rủi ro:**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty cổ phần Lilama 45.3 là xây lắp và gia công chế tạo thiết bị luôn chứa đựng nhiều tiềm ẩn và rủi ro. Để đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tăng lợi thế cạnh tranh, Công ty luôn coi việc quản lý rủi ro như một phần trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

### **5.1. Rủi ro về pháp luật:**

Là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần trở thành công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội, mọi hoạt động của Công



ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định về đất đai môi trường v.vv....

Do vậy trong từng thời kỳ các chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ liên quan đến ngành Xây - lắp nói chung cũng như việc triển khai hướng dẫn các thay đổi về chế độ chính sách của các cơ quan ban, ngành điều chỉnh không kịp thời, đồng bộ cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **5.2. *Rủi ro đặc thù ngành và công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường***

Do đặc thù ngành Xây - lắp thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện từng phần theo giai đoạn, hoạt động lắp thiết bị rất phức tạp điều kiện làm việc ngoài trời với chi phí cao và chịu nhiều rủi ro hình thành từ điều kiện tự nhiên. Bên cạnh đó phải phụ thuộc vào tiến độ cung cấp thiết bị của Chủ đầu tư, việc bàn giao mặt bằng của đơn vị xây dựng làm kéo dẫn tiến độ của hợp đồng cũng như tăng chi phí đầu vào.

Do điều kiện làm việc ngoài trời việc thi công đều ở trên cao nên nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố lắp đặt. Là ngành đặc thù có nhiều lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động và độc hại, nguy hiểm. Để hạn chế các rủi ro trong thi công, Công ty cần phải quan tâm đến vấn đề hướng dẫn về an toàn lao động và trang bị đầy đủ cho công nhân trên các công trường, thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm, các biện pháp an toàn lao động trước khi triển khai thi công. Để hạn chế rủi ro trong quá trình thi công Công ty cần thực hiện mua bảo hiểm cho xe, cầu và con người trên các công trường.

Thời gian quyết toán và thu hồi vốn các công trình xây lắp thường kéo dài, tác động rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm bớt rủi ro trong công tác thu hồi vốn cần đốc thúc khách hàng trong việc thanh toán công nợ, tránh tồn đọng công nợ.

### **5.3. *Rủi ro về nhân sự:***

Công ty cổ phần Lilama 45.3 luôn đào tạo nguồn nhân lực và tổ chức nhân sự là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty. Tuy nhiên việc bị các đối thủ cạnh tranh trên thị trường lôi kéo, chào mời với mức đãi ngộ hấp dẫn hơn là điều khó tránh khỏi, do vậy ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng tới môi trường làm việc, mức lương thưởng cho đội ngũ CBCNV và người lao động yên tâm công tác. Đồng thời tiếp tục đào tạo nguồn cán bộ kế cận trong giai đoạn tiếp theo để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển bền vững.

### **5.4. *Rủi ro về thị trường:***

Nước ta ra nhập các tổ chức thương mại quốc tế WTO, TPP sẽ tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, việc mở rộng thị trường sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài cạnh tranh về kỹ thuật, máy móc thiết bị và trình độ tay nghề với các doanh nghiệp trong nước.

### **5.5. *Rủi ro về đối tác và khách hàng.***

Trước khi tham gia đấu thầu hoặc nhận thầu các dự án, Ban điều hành công ty cùng các bộ phận chủ chốt khác sẽ có đánh giá chi tiết, cụ thể tiềm lực tài chính của Chủ đầu tư, nguồn vốn cho dự án. Có thực hiện triệt để các công tác này mới đảm bảo các dự



án có hiệu quả, tránh tình trạng rủi ro chủ đầu tư chiếm dụng vốn và ảnh hưởng đến công tác thu hồi vốn toàn công ty.

#### 5.6. Rủi ro khác:

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh dịch bệnh Covid -19...đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như làm chậm tiến độ thi công, gây thiệt hại đến các hạng mục công trình đang thi công.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1, Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % so kế hoạch	Tỷ lệ % so với năm 2019
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	220.550	506.861	229,8	230,4
2	Tổng doanh thu	200.500	500.120	249,4	259,1
3	Lợi nhuận trước thuế	890	231	25,9	225,7
4	Lợi nhuận sau thuế	890	231	25,9	225,7
5	Lỗ chuyển tiếp	(25.543)	(26.202)		
6	Nộp ngân sách	4.674	18.677	399,6	666,9
7	Đầu tư XDCB	0	109		
8	Tổng quỹ lương	58.145	24.841	42,7	97,2
9	Lao động bình quân	485	194	40,0	89,8
10	Thu nhập BQ (người/tháng)	9.991	10.671	106,8	108,2
11	Dự kiến cổ tức (%)	0	0		

Một số chỉ tiêu SXKD năm 2020 đã hoàn thành so với KH như: Doanh thu vượt 129,8% so với KH năm, Lợi nhuận trước thuế 231 triệu đồng đạt 25,9 % KH năm, nộp ngân sách 18,6 tỷ đồng vượt 299,6% so với kế hoạch, thu nhập bình quân tăng 8,2% so với KH.

#### Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

##### ➤ Thuận lợi và khó khăn trong năm 2020:

Bên cạnh những mặt thuận lợi như: Công việc gổ đầu từ các Hợp đồng kinh tế chuyển tiếp năm 2020 giá trị lớn, có kinh nghiệm nhiều năm trong các lĩnh vực gia công, lắp đặt thiết bị cho các công trình Công nghiệp dân dụng, thủy điện, nhiệt điện, điện gió và luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của ban lãnh đạo Tổng công ty Lắp máy Việt Nam cùng sự nỗ lực không ngừng của HĐQT, ban Tổng giám đốc và sự cảm thông chia sẻ của CBCNV – người lao động đã hoàn thành kế hoạch SXKD đề ra trong Đại hội cổ đông năm 2020, song Công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD như sau:





Kinh tế trong nước còn nhiều thách thức trong bối cảnh dịch bệnh Covid diễn biến khó lường, căng thẳng thương mại giữa các nước tiếp tục diễn biến phức tạp, thị trường công việc ngày càng cạnh tranh quyết liệt.

Năm 2020, một số chỉ tiêu tài chính đã được cải thiện như: Doanh thu tăng trưởng vượt cao hơn so với các năm trước nhưng các khoản chi phí không giảm, nhất là chi phí tài chính, công tác thu hồi nợ đọng chưa hiệu quả, còn tiềm ẩn nhiều rủi ro trong thanh toán. Áp lực đáo hạn trả nợ vay, nộp ngân sách, bảo hiểm xã hội và trả lương cho người lao động trong dịp tết Nguyên đán năm 2021.

Công tác thanh quyết toán, công tác thu hồi nợ đọng tại các dự án cũ còn gặp nhiều khó khăn do một số Chủ đầu tư thực sự gặp khó khăn hoặc cố ý chây ỳ không thanh toán ảnh hưởng đến đáo hạn tại ngân hàng AGBANK Đà Nẵng dẫn đến có nợ quá hạn, dự án chống ngập tại TP Hồ Chí Minh tiếp tục triển khai thi công, tiến độ gấp rút từ tháng 04 năm 2020 nên nguồn vốn cung cấp cho dự án rất lớn vượt so với khả năng tài chính, do vậy có những thời điểm Công ty phải nhờ Chủ đầu tư hỗ trợ cho vay vốn để trả cho các khách hàng và tiền lương cho người lao động.

Công tác quản lý và điều hành còn nhiều bất cập và hạn chế, nguồn nhân lực còn thiếu và yếu, thiếu đội ngũ công nhân lành nghề, thiếu cán bộ quản lý và kỹ sư kỹ thuật có trình độ, kinh nghiệm, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc tại các công trình lớn, có những thời điểm phải phải thuê lao động bên ngoài dẫn tới chi phí nhân công cao ảnh hưởng tới năng suất lao động của công ty.

## 2. Tổ chức và nhân sự :

### \* Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1.	Hoàng Việt	TGĐ	55.000	1,57%	
2.	Mạc Thanh Hải	PTGĐ	17.700	0,51%	
3.	Phạm Văn Thìn	PTGĐ	35.000	1,00%	
4.	Cù Thanh Nghị	KTT	2.000	0,06%	
5.	Liên văn Chánh	TP KT-KT	16.500	0,46%	
6.	Lê Ánh Thành	TP TC-HC	2.000	0,06%	

### 2.1 Ban Tổng giám đốc.

<b>Ông Hoàng Việt</b>	<b>Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc</b>
Năm sinh:	21/09/1973
Nơi sinh:	Phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên



Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Tây
Địa chỉ thường trú:	Quận Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác	
03/1998 – 09/1999	Kỹ thuật thi công Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
09/1999 – 12/2000	Trưởng phòng KT Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
01/2001 – 04/2006	Phó Giám đốc Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
05/2006 – 07/2009	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3
08/2009 – T10/2015	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty.
T10/2015 – nay	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3.
<b>Ông Mạc Thanh Hải</b>	
<b>Phó Tổng giám đốc</b>	
Năm sinh:	16/06/1975
Nơi sinh:	Đồng Lưu – Yên thế - Bắc Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Nùng
Quê quán:	Đồng Lưu – Yên Thế - Bắc Giang
Địa chỉ thường trú:	Lô 4K Tôn Đức Thắng – Thành Phố Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
T11/1999 – 2000	Kỹ thuật CT NM thủy điện Đa Mỹ Công ty LM & XD 45.3
2000	Quản lý dự án Phòng KT-KT
2001	Phó chỉ huy trưởng CTNM đường Trà Vinh
2002	Chỉ huy trưởng NM Bông Tâm Thắng
2003	Phó chỉ huy trưởng CT NM nhiệt điện Phú Mỹ 4
T08/2003 – 2004	Giám đốc nhà máy CK Lilama 45.3, kiêm chỉ huy trưởng



	CT nhà máy thủy sản Nha Trang
2004	Phó chỉ huy trưởng CT Nm xi măng Sông Gianh
T11/2005 – 2008	Phó chỉ huy trưởng CT Nm thủy điện Buôn Kuốp
T01/2009 – T03/2010	Chỉ huy trưởng CT Nm thủy điện Buôn Kuốp
T04/2010 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3
<b>Ông Phạm Văn Thìn</b> Phó Tổng giám đốc	
Năm sinh:	26/12/1975
Nơi sinh:	Xã Tây Hiếu – TX Thái Hoà - Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hưng Xuân – Hưng Nguyên - Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	163 An Dương Vương, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
T4/2004-T11/2004	Nhân viên phòng TC- KT Công ty Lắp máy & XD số 18
T12/2004-T02/2008	Nhân viên phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T03/2008-T07/2009	Phó phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2009 – T07/2010	Trưởng phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2010 –T07/2016	TV HĐQT - Kế toán trưởng Công ty
T07/2016 – nay	Thành viên HĐQT – Phó TGD Công ty CP LILAMA 45.3

## 2.2 Kế toán trưởng.

<b>Ông Cù Thanh Nghị</b> Kế toán trưởng	
Năm sinh:	19/09/1983
Nơi sinh:	Vĩnh Chân - Hạ Hoà – tỉnh Phú Thọ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Vĩnh Chân - Hạ Hoà – tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ thường trú:	Vĩnh Chân - Hạ Hoà – tỉnh Phú Thọ



Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
2004-2010	Nhân viên phòng TC-KT Công ty cổ phần Lilama 45.3
2011-T04/2016	Phó phòng TC-KT, Công ty cổ phần Lilama 45.3
T05/2016-T04/2018	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Lilama 45.3
T05/2018 – nay	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Lilama 45.3

**+ Thay đổi trong Ban điều hành Công ty trong năm: Không có**

**+ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

Tính đến thời điểm 31/12/2020 tổng số CBCNV - Người lao động là 148 người, sử dụng lao động bình quân trong năm 194 người, trong đó lao động nữ 10 người, bộ phận gián tiếp là 30 người, thu nhập bình quân của người lao động là 10,6 triệu/người/tháng

**+ Chính sách đối với người lao động:**

• *Về tiền lương và giải quyết chế độ cho người lao động :*

- Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương trên cơ sở gắn tiền lương với hiệu quả công việc và năng suất lao động. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

- Thực hiện chế độ thi nâng bậc và nâng lương, chế độ ốm đau, thai sản , nghỉ hưu cho CBCNV - Người lao động trong công ty theo đúng quy định.

- Thực hiện kê khai người tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn theo quy định hiện hành, nhưng việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động còn chưa kịp thời.

\* *Về công tác đào tạo:*

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật như: Các đội trưởng công trình tham gia lớp giám sát quản lý công trình, mở lớp học vệ sinh an toàn lao động cho người lao động. Định kỳ tổ chức các lớp học thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật để đảm bảo quyền lợi khi tham gia đóng bảo hiểm xã hội.

• *Về chính sách khen thưởng:*

Công ty đang trong thời gian khắc phục lũ nên không thực hiện các chính sách khen thưởng cho các cá nhân hay tập thể người lao động công ty.

• *Công tác đời sống đối với CBCNV:*





- Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đạt 10,6 triệu đồng/1 người.

- Trong năm 2020, do dịch Covid 19 nên Công ty không tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát.

- Công đoàn Tổng công ty Lắp máy Việt Nam phối hợp với Công đoàn Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã kịp thời hỗ trợ khó khăn cho gia đình CBCNV người lao động gặp bất lực, các gia đình là con em liệt sỹ, gia đình CBCNV bị tai nạn lao động đầy đủ, đúng đối tượng, thực hiện tốt công tác xã hội tại địa phương.

### 3. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

#### a, Các dự án đầu tư:

Trong kỳ có mua sắm 02 máy hàn MIG 500, với giá trị: 109 triệu đồng đáp ứng công tác thi công dự án chống ngập thành phố Hồ Chí Minh (không nằm trong kế hoạch).

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Tên dự án	Tổng giá trị dự án	KH năm 2020	TH 2020	TH so với KH 2020 (%)	Ghi chú
1.	Đầu tư phương tiện thiết bị thi công	16.232	0	109		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>16.232</b>	<b>0</b>	<b>109</b>		

b, Công ty con: Không có

c, Công ty liên kết: Không có

### 4, Tình hình tài chính

*ĐVT: 1000 đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	TH 2020/2019 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	605.725.874	393.561.061	65.0%
2	Doanh thu thuần	193.049.176	500.120.430	259.1%
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	(422.896)	351.788	(83.2%)
4	Lợi Nhuận khác	525.171	(120.951)	(23.0%)
5	Lợi nhuận trước thuế	102.275	230.836	225.7%
6	Lợi nhuận sau thuế	102.275	230.836	225.7%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	



- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2020

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
1.	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>	Lần		
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn		1,01	0,99
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,56	0,50
2.	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn</b>	%		
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản		87,76	92,09
	- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu		7,17	11,64
3.	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>	Lần		
	- Vòng quay hàng tồn kho		1,09	0,30
	- Vòng quay tổng tài sản		0,50	0,17
4.	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,05	0,05
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		0,48	0,21
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,06	0,02
	- Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần		0,07	(0,22)

- Hệ số khả năng thanh toán hiện hành: Tài sản ngắn hạn/Nợ phải trả ngắn hạn (350.239trđ/345.398 trđ) = 1,01 lần.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: 0,56 < 1 chứng tỏ tình hình tài chính đang tiềm ẩn mất khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, hệ số thanh toán nhanh thấp do giá trị sản phẩm xây lắp dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho (chiếm 45,2%/ tài sản ngắn hạn) chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa được quyết toán.

- Tỷ lệ Nợ phải trả/Tổng tài sản (345.398 trđ/393.561 trđ) = 87,8%.

- Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (345.398 trđ/48.163 trđ) = 7,2 lần.

Cơ cấu nguồn vốn: dư nợ vay các tổ chức tín dụng đã giảm, việc sử dụng đòn bẩy tài chính từ 92,09% xuống 87,76%, công tác thu hồi công nợ thực hiện tốt hơn so với năm 2019.

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 3.500.000 CP (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần

$$\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{48.162.958.021}{3.500.000} = 13.761 \text{ đồng}$$

(Giá trị sổ sách = 13.761 đồng/1CP)

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a, Cổ phần tại ngày 31/12/2020:**

- Mã chứng khoán L43
- Tổng số lượng cổ phần : 3.500.000 cổ phiếu phổ thông.
- Cổ phần đang lưu hành: 3.500.000 cổ phiếu phổ thông



- Cổ phiếu quỹ: không có
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 3.500.000 cổ phiếu
- Số lượng hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đồng /cổ phiếu

**b, Cơ cấu cổ đông.**

\* Tình hình cơ cấu cổ đông: Theo số liệu sổ CD chốt ngày 19/03/2021 như sau:

TT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
<b>Tổng số lượng cổ phiếu</b>		<b>3.500.000</b>	<b>100%</b>	<b>282</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>Cá nhân</b>
<b>1</b>	<b>Cổ đông sở hữu từ 5% CP trở lên</b>	<b>1.950.400</b>	<b>55,73%</b>	<b>3</b>	<b>1.950.400</b>	<b>0</b>
	- Trong nước			3	1.950.400	
	- Ngoài nước				0	0
<b>2</b>	<b>Cổ đông khác</b>	<b>1.549.600</b>	<b>44,27%</b>	<b>279</b>	<b>46.700</b>	<b>1.502.900</b>
	- Trong nước	1.549.000	44,26%	277	46.700	1.502.300
	- Ngoài nước	600	0,017%	2		600

**\* Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

TT	Loại hình cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	124 Minh Khai – TP Hà Nội	1.429.000	40,83%
2.	Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc	Khu Công nghiệp Khai Quang, P Khai Quang, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	346.400	9,90%
3.	Công ty Cổ phần kiểm định kỹ thuật Việt Nam	60A Cầu Bè – TP Nha Trang – Khánh Hòa	175.000	5,00%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.950.400</b>	

c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có



**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

Là một trong những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, luôn ý thức trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, coi yếu tố môi trường là một phần quan trọng trong cung cấp dịch vụ sản phẩm của mình.

**6.1. Tác động lên môi trường :**

**\* Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) lên môi trường của Công ty:**

Công ty cổ phần Lilama 45.3 hoạt động trong lĩnh vực gia công, chế tạo và lắp đặt các công trình, do vậy lượng phát khí thải nhà kính nằm ở vùng 3: Phát thải gián tiếp, bao gồm các hoạt động của Công ty và đội công trình sử dụng như: các vật liệu mua về (chất thải rắn), sử dụng nước sinh hoạt và nước thải Công nghiệp, sử dụng nhiên liệu (khí Co2) cho các phương tiện thiết bị thi công và giao thông công cộng. Phát thải từ lĩnh vực này tương đối nhỏ, ngoài ra ở nước ta chưa có định mức tiêu hao năng lượng cụ thể cho các ngành nghề, do vậy Công ty chưa thể xác định định mức khí thải nhà kính thải ra môi trường.

**\* Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:**

+ Công ty đã sử dụng năng lượng tái tạo, như năng lượng điện mặt trời để cung cấp nguồn điện sinh hoạt nhằm giảm phát thải KNK

+ Đối với Khu kho bãi chứa thiết bị Lilama 45.3 tại Dung Quất – Quảng Ngãi và thực hiện thi công tại các địa phương, Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã nghiêm chỉnh thực hiện cam kết bảo vệ môi trường như sau:

– Để đảm bảo tác động của môi trường là thấp nhất, triển khai các giải pháp đảm bảo việc sử dụng điện, nước hiệu quả nhất. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc Luật bảo vệ môi trường, thực hiện các biện pháp đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và đi vào hoạt động.

– Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí nhất là giai đoạn hoạt động của dự án đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải (sinh hoạt, nước mưa chảy tràn) và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung, không được xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra môi trường, đảm bảo chất lượng nước sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn xử lý chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, sản xuất, nguy hại...) theo đúng quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

+ Thực hiện đăng ký cam kết bảo vệ môi trường tại địa phương nơi đơn vị thi công.



+ Nâng cao năng lực thiết kế, thi công xây lắp với kỹ thuật cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, vật liệu mới, tiết kiệm năng lượng, thích ứng biến đổi khí hậu, thân thiện môi trường; tăng cường việc thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện nhiều giải pháp phù hợp về tuyên truyền nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho CBCNV người lao động; gắn việc giáo dục, động viên với chế tài, xử lý vi phạm; cán bộ, đảng viên gương mẫu trong việc bảo vệ môi trường...

## **6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu :**

**a, Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:**

Với ngành gia công chế tạo thiết bị: một số thiết bị được giao lại cho Nhà thầu phụ cung cấp, một số hạng mục Công ty trực tiếp tham gia gia công, nguyên liệu đầu vào chủ yếu là sắt thép, trong năm 2020 Công ty sử dụng khoảng 2.200 tấn sắt thép các loại.

**b, Báo cáo tỷ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:**

Trong quá trình gia công, chế tạo thiết bị tiện, phay, bào sẽ hình thành các chất thải rắn như: Phoi thép, xỉ hàn..các chất thải này sẽ được công trình thuê đơn vị thu gom rác thải xử lý theo quy định, còn đối với thép biện pháp được kiểm kê, đánh giá lại chất lượng, số lượng, nếu còn tận dụng sẽ nhập kho công ty để sử dụng cho các công trình sau, hoặc thép biện pháp bị gãy, hỏng, rỉ sét và sắt thép vụn do cắt gọt không tận dụng được vào sản phẩm khác sẽ được bán thanh lý theo quy định, tùy theo công trình thì lượng thép biện pháp được tái chế sử dụng, có thể từ 1%-> 5% hoặc không còn nguyên vật liệu được tái chế, chủ yếu các công trình lắp đặt hoặc chủ đầu tư cấp thiết bị.

## **6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

**a, Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp**

- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp chủ yếu ở Công ty bao gồm: Điện sử dụng 20.400 KW.h/1năm, xăng dầu Diezen, nhớt máy: 25.000lít/năm.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp nằm tại công trình bao gồm: Điện sử dụng 281.600 KW.h/1năm, xăng dầu Diezen, nhớt máy: 91.000 lít/năm.

**b, Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.**

Công ty đã sử dụng năng lượng điện mặt trời để cung cấp một phần cho nguồn điện sinh hoạt, điện năng đã giảm trong khoảng từ 7.200KW.h -> 10.000 KW.h (từ 27.600KW.h/năm xuống 20.400KW.h/năm).

**c, Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo).**

Để đạt được mục tiêu tiết kiệm điện năng đối với một số công việc gia công chế tạo thiết bị Công ty đã thực hiện các giải pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo sử dụng đúng công suất và biểu đồ phụ tải đã đăng ký trong hợp đồng mua bán điện. Đồng thời, bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, hạn chế tối đa việc huy động các thiết bị tiêu thụ công suất điện lớn vào giờ cao điểm, không để các thiết bị điện hoạt động không tải. Bên cạnh đó, cần chú ý tắt các thiết bị điện và đèn chiếu sáng không cần thiết trong thời



gian nghỉ giữa ca; triệt để tiết kiệm điện chiếu sáng sân, phòng ban, khu tập thể Công ty và công trường. Mặt khác, chuẩn bị các nguồn dự phòng để đáp ứng nhu cầu sản xuất khi xảy ra thiếu điện, xây dựng phương án tự cắt giảm phụ tải khi xảy ra thiếu điện. Công ty đưa ra một số quy định và tuyên truyền cho CBCNV thực hành tiết kiệm điện như: tiết kiệm điện tại cơ quan, công trình; tiết kiệm điện trong chiếu sáng bảo vệ, chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời; thực hiện tiết kiệm điện tại nơi sản xuất gia công.

Công ty đã thực hiện thi công dự án: khảo sát, lắp đặt Nhà máy điện gió Trung Nam giai đoạn 2 tại Ninh Thuận, với năng lực thiết kế, thi công xây lắp kỹ thuật cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, vật liệu mới, tiết kiệm năng lượng với phương châm “Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường được xem là trách nhiệm của Công ty và toàn xã hội”.

#### **6.4. Tiêu thụ nước: Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm.**

##### **a, Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:**

- Đối với Công ty và Khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Lilama 45.3 tại Dung Quất: Nguồn nước do Công ty cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Quảng Ngãi cung cấp: Năm 2020, lượng nước sinh hoạt sử dụng khoảng 2.068 m<sup>3</sup>/1 năm.

- Đối với các đội công trình: Do điều kiện thi công tại các nhà máy thủy điện gần sông suối nên Đội công trình tự lắp đường ống dẫn nước đưa về sử dụng hoặc khoan giếng để phục vụ sinh hoạt và thi công: Hàng năm sử dụng khoảng 7.000 m<sup>3</sup>/1 năm

##### **b, Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:**

Do công ty không thuộc đơn vị sản xuất các sản phẩm như xi măng, sắt thép...nên không lắp đặt hệ thống sử dụng nước tái chế. Nguồn nước sinh hoạt được thải ra theo hệ thống nước chảy về khu xử lý nước thải của thành phố Quảng Ngãi, còn đối với Khu bãi chứa thiết bị tại Dung Quất, nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp sẽ theo hệ thống dẫn nước chảy ra khu xử lý nước thải nằm trong khu Công nghiệp Dung Quất, đối với các đội công trình tùy khu vực thi công để xử lý nước thải, công trình xa địa bàn thành phố, công trình sẽ tự xây hầm bể phốt để xử lý nước thải, hoặc nếu gần hệ thống nước thải tại các địa phương công ty sẽ có phương án lắp ống dẫn nước đến nơi để xử lý nước thải, tránh ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường xung quanh, thực hiện vệ sinh an toàn sạch sẽ tại nơi đơn vị thi công.

#### **6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường :**

##### **a, Số lần vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:**

Trong năm 2020 Công ty không vi phạm các quy định có liên quan đến môi trường.

**b, Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Không bị xử phạt vi phạm về vệ sinh môi trường.

#### **6.6. Chính sách liên quan đến người lao động :**

##### **a, Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**

Tổng số CBCNV Người lao động tính đến ngày 31/12/2020 là : 148 người, thu nhập bình quân 10,6 triệu đồng/1 người.



*b, Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.*

**\* Các nguyên tắc đảm bảo:**

- Công ty luôn bảo đảm quyền của người lao động được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động.

- Tuân thủ đầy đủ các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình lao động; ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, loại trừ, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại trong quá trình lao động.

- Tham vấn ý kiến tổ chức công đoàn, người sử dụng lao động để xây dựng Thỏa ước lao động tập thể, phù hợp với các chính sách và pháp luật hiện hành.

**\* Các chính sách lao động nhằm đảm bảo nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi như sau:**

- Công ty đã trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động như: quần áo, mũ, giày, kính bảo hộ, dây an toàn trong quá trình thi công để ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp xảy ra.

- Công ty đã yêu cầu người lao động trước khi tuyển dụng lao động phải khám sức khỏe để bố trí công việc phù hợp với sức khỏe của người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (đối với người lao động bình thường ít nhất một lần trong một năm, đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại, leo trèo cao thực hiện khám 6 tháng một lần).

- Trước khi nhận việc, người lao động được huấn luyện về an toàn lao động, được kiểm tra, huấn luyện bổ sung trong quá trình lao động. Các công trình đều có người quản lý, giám sát, huấn luyện, hướng dẫn về những quy định pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong công tác triển khai thi công nhất là: làm việc trên cao, trong đường ống và trên sông nước.

- Người lao động không phân biệt giới tính, tuổi tác, nơi làm việc khi làm công việc có yếu tố nguy hại vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép thì được hưởng chế độ bồi dưỡng ăn giữa ca hoặc nhận tiền mặt.

- Các biện pháp khác: quy định về thời giờ làm việc và nghỉ ngơi hợp lý; người lao động có quyền từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình; Công ty phải có các phương án dự phòng xử lý sự cố, cấp cứu; vệ sinh sau khi làm việc.

***c, Hoạt động đào tạo người lao động:***

Nhằm hỗ trợ cho nhân viên ngày càng hoàn thiện các kiến thức, kỹ năng chuyên môn và nâng cao năng suất làm việc, Công ty đã chú trọng vào công tác đào tạo, hỗ trợ kinh phí cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật như: Kỹ sư, kỹ thuật được tham gia các lớp giám sát quản lý công trình, được cấp chứng chỉ hành nghề giám sát, mở lớp học vệ sinh an toàn lao động cho người lao động. Định kỳ tổ chức các lớp học thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật để đảm bảo quyền lợi khi tham gia đóng bảo hiểm xã hội.

- Số giờ đào tạo trung bình: 400h/1năm, cử nhân và kỹ sư kỹ thuật : 150h/1năm, Công nhân: 250h/1năm.





- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không chỉ trau dồi thêm kỹ năng chuyên sâu phục vụ công việc còn tạo cơ hội cho nhân viên thường xuyên cập nhật các kiến thức, kỹ năng để làm việc đạt hiệu quả. Và là cơ sở để Công ty thực hiện quy trình xét duyệt nâng bậc, tăng lương, thăng chức cho cả nhân viên và đội ngũ cán bộ quản lý.

#### **6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

-Trách nhiệm cộng đồng, quan tâm đóng góp cho xã hội luôn được công ty coi trọng. Trong nhiều năm qua, bên cạnh công việc kinh doanh, Công ty còn thực hiện hướng về cộng đồng bằng các hành động khác nhau như: chương trình từ thiện, thăm hỏi người già neo đơn, các gia đình mẹ Việt Nam anh hùng; chương trình “ Lá lành đùm lá rách” kịp thời ủng hộ đồng bào và gia đình người lao động bị thiên tai, bão lụt, ảnh hưởng do dịch Covid 19...nâng cao ý thức “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa” đối với gia đình CBCNV là gia đình liệt sỹ người có công với tổ quốc thông qua thăm hỏi ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7 hằng năm và trong các dịp lễ, Tết, v.v...

-Với địa bàn hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam đến các tỉnh Tây Nguyên, Công ty đã nhận được sự hỗ trợ, hợp tác, giúp đỡ của Chính quyền và nhân dân địa phương nơi đơn vị thi công. Vì vậy ý thức bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, duy trì cảnh quan xanh- sạch- đẹp và thu hút giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân địa phương, đóng góp vào sự phát triển của kinh tế địa phương thông qua nộp thuế vào ngân sách Nhà nước. Mặt khác các dự án tham gia thi công đều được thiết kế và xây dựng theo hướng tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường và tạo thêm hàng ngàn công ăn việc làm cho lao động địa phương.

#### **6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**

Để hướng tới hoạt động thị trường vốn xanh cần phải đạt nhiều tiêu chuẩn theo quy định của UBCKNN, giai đoạn này Công ty đang dần khắc phục tài chính nên chưa thể cung cấp các Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh. Đồng thời nội dung của báo cáo này còn tương đối mới đối với nhiều doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Lilama 45.3 nói riêng, trong việc thực hiện báo cáo minh bạch trên thị trường chứng khoán.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

*DVT : Triệu đồng*

Chỉ tiêu	TH năm 2018	KH năm 2020	TH năm 2020	So sánh (%)	
				TH 2020/TH 2019	TH2020/ KH 2020
Tổng doanh thu	193.049	200.500	500.120	259,1	249,4
Lợi nhuận thực hiện trước thuế	102	890	231	225,7	25,9





Lợi nhuận thực hiện sau thuế	102	890	231	225,7	25,9
------------------------------	-----	-----	-----	-------	------

Một số chỉ tiêu SXKD năm 2020 đã hoàn thành so với KH như: Doanh thu vượt 129,8% so với KH năm, nộp ngân sách 18,6 tỷ đồng vượt 299,6% so với kế hoạch, thu nhập bình quân người lao động vượt 6,9% kế hoạch năm, riêng chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau thuế chưa đạt so với kế hoạch chỉ chiếm 25,9 % so với KH năm.

Công tác thanh quyết toán, công tác thu hồi nợ đọng tại các dự án cũ còn gặp nhiều khó khăn do một số Chủ đầu tư thực sự gặp khó khăn hoặc cố ý chây ỳ không thanh toán ảnh hưởng đến đáo hạn tại ngân hàng AGBANK Đà Nẵng dẫn đến có nợ quá hạn, dự án chống ngập tại TP Hồ Chí Minh tiếp tục triển khai thi công, tiến độ gấp rút từ tháng 04 năm 2020 nên nguồn vốn cung cấp cho dự án rất lớn vượt so với khả năng tài chính, do vậy có những thời điểm Công ty phải nhờ Chủ đầu tư hỗ trợ cho vay vốn để trả cho các khách hàng và tiền lương cho người lao động.

## 2, Tình hình tài chính

### a, Tình hình tài sản :

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

*ĐVT : Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>350.239</b>	<b>552.841</b>	<b>(202.601)</b>	<b>63,4</b>
1 - Tiền và các khoản tương đương tiền	7.596	9.192	(1.596)	82,6
2 - Các khoản phải thu ngắn hạn	184.321	269.876	(85.555)	68,3
3 - Hàng tồn kho	158.321	273.771	(115.450)	57,8
<b>B – TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>43.321</b>	<b>52.884</b>	<b>(9.563)</b>	<b>81,9</b>
1 - Các khoản phải thu dài hạn	-	1.322	(1.322)	-
2 - Tài sản cố định	20.738	23.938	(3.199)	86,6
3 – Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-	-
4 – Đầu tư tài chính dài hạn	20.698	25.600	(4.902)	80,9
5 - Tài sản dài hạn khác	1.884	2.024	(139)	93,1
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>393.561</b>	<b>605.725</b>	<b>(212.165)</b>	<b>65,0</b>



- Tổng tài sản cuối kỳ so với đầu năm giảm 212,2 tỷ đồng, giảm 35,0% chủ yếu giảm tài sản lưu động cụ thể là: các khoản phải thu ngắn hạn giảm 85,5 tỷ đồng, giảm 53,2% so với đầu kỳ (chủ yếu giảm nợ phải thu khách hàng 95,8 tỷ đồng); chi phí SXKD dở dang cuối kỳ giảm 115,4 tỷ đồng, giảm 42,2% so với đầu kỳ do trong kỳ đã kết chuyển giá vốn và doanh thu chủ yếu là dự án chống ngập tại TP Hồ Chí Minh. Việc bù giá cho dự án Hangar A75 và quyết toán công trình gang thép Thái Nguyên vẫn chưa thực hiện được còn nằm ở chi phí SXKD dở dang cuối kỳ.

- Tài sản dài hạn giảm 9,5 tỷ đồng do trong kỳ thực hiện mua sắm tài sản cố định giá trị thấp, chủ yếu giảm do trích khấu hao TSCĐ và giảm giá trị đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn 500.000CP tương ứng giá trị 4,9 tỷ đồng.

- Trong kỳ Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Nhà máy thủy điện Trà Xom: 2.490 triệu đồng và Nhà máy đường An Khê: 294 triệu đồng.

- Nợ phải thu khách hàng và hàng tồn kho (342,6 tỷđ/393,6tỷđ) chiếm 87,1% chiếm tỷ trọng lớn trên tổng tài sản của Công ty.

**b, Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn:**

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>345.398</b>	<b>557.793</b>	<b>(212.395)</b>	<b>61,9</b>
1 - Nợ ngắn hạn	345.398	557.793	(212.395)	61,9
2 - Nợ dài hạn		-	-	-
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>48.162</b>	<b>47.932</b>	<b>231</b>	<b>100,5</b>
1 - Vốn chủ sở hữu	48.162	47.932	231	100,5
2- Vốn điều lệ	35.000	35.000	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>393.561</b>	<b>605.725</b>	<b>(212.164)</b>	<b>65,0</b>

- Tổng nguồn vốn giảm 212,4 tỷ đồng chủ yếu do: nợ phải trả giảm 212,4 tỷ đồng giảm 30,1%, chủ yếu giảm chỉ tiêu người mua trả tiền trước 159,6 tỷ đồng, giảm 92,7%, chi phí phải trả ngắn hạn giảm 3,5 tỷ đồng, phải trả nội bộ ngắn hạn giảm 5,7 tỷ đồng, vay và nợ thuê tài chính giảm 66,2 tỷ đồng so với đầu kỳ.

- Vốn chủ sở hữu tăng 230,8 triệu đồng, tăng 0,5% so với đầu kỳ, giảm lỗ lũy kế còn 26,2 tỷ đồng.

- Hệ số nợ phải trả bằng 7,1 lần vốn chủ sở hữu, nợ vay ngắn, dài hạn các tổ chức tín dụng và Tổng công ty là: 121,9 tỷ đồng bằng 3,5 lần vốn điều lệ.



**c, Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020***ĐVT: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2019	TH2020/TH2019 (%)
1. Doanh thu bán hàng & CCDV	500.120	193.049	259.1%
2. Giá vốn hàng bán	472.072	169.947	277.8%
3. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV	28.048	23.101	121.4%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	122.487	65	188.0%
5. Chi phí tài chính	21.094	16.195	130.3%
- Trong đó: Lãi vay phải trả	20.652	16.195	130.6%
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.724	7.394	90.9%
7. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	351	(422)	(83.2)%
8. Thu nhập khác	279	626	44,7%
9. Chi phí khác	400	101	395,7%
10. Lợi nhuận khác	(120)	525	(23.0)%
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	231	102	225.7%
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	0	-
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	231	102	225.7%
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	66	29	227.6%

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 cho thấy tình hình tài chính tiếp tục khó khăn, mặc dù doanh thu tăng trưởng gấp 2,5 so với doanh thu năm 2019, nhưng các khoản chi phí không giảm, trong đó chi phí lãi vay vượt 30,3% so với năm 2019, nên lợi nhuận trước thuế và sau thuế thấp chỉ đạt 0,05% so với doanh thu thực hiện và đạt 0,66% so với vốn điều lệ.

**3, Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.**

Trong năm 2020 Công ty đã ban hành Quy chế thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Công ty cổ phần Lilama 45.3.

- Các biện pháp kiểm soát.

+ Thực hiện cơ chế khoán song song với chế độ giám sát chặt chẽ của các Phó Tổng giám đốc phụ trách và các phòng nghiệp vụ liên quan.

+ Các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp đội công trình thi công và giải quyết các công việc phát sinh liên quan trực tiếp đến thi công.

+ Phòng Tổ chức hành chính giám sát quá trình sử dụng nhân lực và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động (việc làm, thu nhập, tiền thưởng, chế độ nghỉ, trang bị BHLĐ...)

+ Phòng Kinh tế - Kỹ thuật phối hợp với phòng Tài chính kế toán lập dự toán thi công, dự toán giao khoán, giám sát quy trình thi công, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, hướng dẫn lập hồ sơ kỹ thuật, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình, hướng dẫn tập hợp chi phí, hoá đơn chứng từ theo luật định.





#### 4, Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm quản lý một cách toàn diện và đồng bộ sản xuất, kinh doanh và đầu tư.

- Cải tiến máy móc, phương tiện thi công, ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào thi công nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn của Công ty góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho các năm tiếp theo nhằm khắc phục số lỗ lũy kế,

- Xây dựng chiến lược phát triển nhân tố lao động của Công ty thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho CBCNV...

#### • Kế hoạch phát triển năm 2021, định hướng đến năm 2025:

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025
1.	Giá trị SXKD	143.550	150.728	158.264	166.177	174.486
2.	Tổng doanh thu	130.500	137.025	143.876	151.070	158.624
3.	Lợi nhuận trước thuế	302	317	333	350	368
4.	Lợi nhuận sau thuế	302	317	333	280	294
5.	Chuyên lỗ (-) hoặc lãi (+) lũy kế	(25.900)	(25.583)	(25.250)	(24.970)	(24.676)
6.	Nộp ngân sách	4.750	4.798	4.845	4.894	4.943
7.	Đầu tư XDCB	0	0	0	0	0

- Tiếp tục duy trì phát triển lĩnh vực thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, bảo trì sửa chữa, phân đấu trở thành tổng thầu EPC cho các nhà máy ximăng, lọc dầu, nhiệt điện, điện gió và các công trình công nghiệp, dân dụng khác.

- Huy động tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn lưu động sau khi Tổng công ty lắp máy Việt Nam thoái toàn bộ vốn, tăng tính tự chủ về tài chính, bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

- Tăng cường công tác tuyển dụng bổ sung nhân sự, đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, không ngừng cải tiến quy trình quản lý, xây dựng quy chế trả lương khuyến khích lao động làm việc có trình độ, chuyên môn gắn bó lâu dài với công ty.

#### • Nhận định chung trong năm 2021

Bước sang năm 2021, theo nhận định của Hội đồng quản trị: hoạt động SXKD của Công ty sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn và thử thách, các dự án nhận thầu ngày càng ít, năng lực tài chính yếu khó tiếp cận các dự án mới, một số công trình chuyển tiếp giá trị thấp, trên cơ sở rà soát và xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch mang tính khả thi, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua như sau:



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	143.550	
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	130.500	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	302	
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	302	
5	Chuyển lỗ (-) hoặc lãi (+) lũy kế	Triệu đồng	(25.900)	
6	Nộp ngân sách	Triệu đồng	4.750	
7	Đầu tư XDCB	Triệu đồng	0	
8	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	37.845	
9	Lao động bình quân	Người	290	
10	Thu nhập BQ (người/tháng)	Triệu đồng	10.875	
11	Dự kiến cổ tức	%	0	

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có ý kiến.**

**6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: đa số người lao động của Công ty có ý thức tổ chức, kỷ luật lao động tốt, tay nghề vững vàng. Tuy nhiên có một số ít người lao động tay nghề còn hạn chế nên chưa đáp ứng được yêu cầu công việc của công ty.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: bên cạnh việc thúc đẩy kế hoạch sản xuất kinh doanh sao cho hiệu quả, chăm lo đời sống cho CBCNV - người lao động, Công ty cũng chú trọng đến các hoạt động cộng đồng địa phương nơi trụ sở chính và nơi đơn vị thi công với hành động thiết thực như giao lưu văn hoá thể thao hay ủng hộ các trường hợp gặp khó khăn trên tinh thần "lá lành đùm lá rách", "uống nước nhớ nguồn".

- Để thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, công ty sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp để bảo vệ môi trường, thực hiện theo các Quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

#### **IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :**

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LILAMA45.3, HĐQT đã xây dựng kế hoạch công tác, chương trình làm việc cụ thể, hoạch định chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn. Trong năm 2020,



HĐQT đã họp 10 phiên vào từng quý và bất thường, một số buổi họp có sự tham gia của Ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc và các Trưởng phòng ban.

+ Đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 21/04/2020 theo đúng quy định của pháp luật.

+ Đã thực hiện họp kiểm điểm Tổ đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, tổ chức và các cá nhân liên quan đến kết quả SXKD năm 2019, xây dựng kế hoạch SXKD năm 2020.

+ Tích cực chỉ đạo và đôn đốc Ban tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, một số chỉ tiêu như doanh thu đã vượt so với kế hoạch đề ra chủ yếu do nguyên nhân như sau: Hợp đồng có giá trị lớn ký với đối tác Công ty TNHH Trung Nam BT 1547 tại dự án chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh bị dừng từ tháng 04 năm 2018, đã triển khai lại và tiến độ thi công rất gấp rút để bàn giao cho Chủ đầu tư, do vậy chỉ tiêu doanh thu vượt so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên tình hình tài chính vẫn còn tồn tại như: công tác thanh quyết toán và bù giá 02 dự án cũ kéo dài chưa có phương án khắc phục, còn nợ ngân sách và BHXH.

+ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo công bố thông tin đúng hạn Báo cáo thường niên năm 2019; Báo cáo tài chính năm 2019 đã soát xét, báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020 đã được kiểm toán và các báo cáo, công bố thông tin khác theo đúng quy định của Luật chứng khoán.

+ Đã thực hiện nghiêm túc báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo các nội dung theo đúng Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đầu tư vào doanh nghiệp khác.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc.**

### **• Về công tác nhân sự của Ban Tổng giám đốc.**

Ban tổng giám đốc đã chủ động phân giao nhiệm vụ cho các thành viên Ban điều hành phụ trách từng lĩnh vực công việc của Công ty, với vai trò là người điều hành chung Tổng giám đốc công ty luôn tạo điều kiện cho các thành viên phát huy năng lực chuyên môn, có tính sáng tạo, làm việc độc lập, phải có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao, từng bước nâng cao chất lượng hiệu quả công việc.

### **• Về công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc**

Ban điều hành của Công ty, đứng đầu là Tổng giám đốc công ty, đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ công ty. Ban điều hành đã triển khai theo đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT công ty.

Tổng giám đốc thực hiện chế độ giao ban định kỳ hàng tuần với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phó các phòng ban có liên quan để chỉ đạo sát sao nhất là đối với dự án Chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh để xử lý kịp thời các vấn đề có liên quan đến công tác thanh toán và thi công. Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban điều hành đã chủ động đề xuất các giải pháp cần thiết để chỉ đạo SXKD, tài chính, nhân sự, tái cấu trúc vốn đầu tư.

Ngoài việc thực hiện chức năng điều hành chung, Tổng giám đốc đã rất tích cực, chủ động trong việc phát triển quan hệ đối ngoại với các cấp chính quyền địa phương,



các khách hàng, đối tác tiềm năng từ đó tìm kiếm ký kết các hợp đồng mới, tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động.

Ban tổng giám đốc chỉ đạo các bộ phận thực hiện các Báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm để kịp thời công bố thông tin theo đúng quy định.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 vẫn còn những hạn chế và tồn tại chưa khắc phục được như: Chỉ tiêu lợi nhuận trong kỳ thấp, không dứt điểm quyết toán các dự án cũ có công nợ và chi phí SXKD dở dang cuối kỳ lớn, chưa thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn và chưa đáp ứng được sự kỳ vọng của các cổ đông trong việc chia cổ tức.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2021, HĐQT tiếp tục chỉ đạo công ty hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra; các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo đúng quy định của điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau :

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;

- Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường.

- Thực hiện điều chỉnh Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị theo tình hình thực tế.

- Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của pháp luật và theo quy điều lệ của công ty;

- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp.

## **V - QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Thành viên Hội đồng quản trị**

a. Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên trong đó có 03 thành viên độc lập không điều hành.

*Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT*

<b>Ông Bùi Quốc Vương</b>	<b>Chủ tịch HĐQT</b>
Năm sinh:	04/02/1974
Nơi sinh:	Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tổ 7 phường Tân Lập – Thành phố Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú:	Tổ 17 P.Trần Phú, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	



T08/1996 – 1998	Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.1
1999-2000	Kỹ sư GS - biệt phái cho TCty tại CT NM xi măng Nghi Sơn – Thanh Hoá
2000-2002	Kỹ sư giám sát tại Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ I
2002-2003	Trưởng phòng tổ chức hành chính Ban Quản lý LILAMA tại Dung Quất
2003-2006	Chỉ huy trưởng tại Công trình NM xi măng Sông Gianh Quảng Bình thuộc Cty Lắp máy và XD số 7
2006- T09/2009	Trưởng phòng TC-HC Ban QL dự án LILAMA NM lọc dầu Dung Quất
T10/2009-T05/2010	Phó phòng tổ chức LD Cty Cổ phần LILAMA 45.3
T06/2010 – T10/2015	Thành viên HĐQT Trưởng phòng Tổ chức HC Công ty CP LILAMA 45.3
T10/2015 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 45.3
<b>Ông Hoàng Việt</b>	<b>Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)</b>
<b>Ông Phạm Văn Thìn</b>	<b>Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)</b>
<b>Ông Cù Thanh Nghị</b>	<b>Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng (đã nêu ở Ban điều hành)</b>
<b>Ông Huỳnh Văn Thạch</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>
Năm sinh:	20/12/1974
Nơi sinh:	Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Tổ 6 – Phú Thạnh – TP Nha Trang- tỉnh Khánh Hoà
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:	
1997 – 1999	Nhân viên Công ty đường Khánh Hoà
1999 – 2000	Kỹ sư giám sát – Công ty Cổ phần Lilama 45.3
2000 – 2001	Kỹ sư giám sát – Công ty APAVR VN & Đông Nam Á



2002 – 2006	Phó TGD – Công ty ALPHA NDT
2006 – T3/2016	Giám đốc – Công ty TNHH DVKT Việt Nam (nay là Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Việt Nam).
T4/2016 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lilama 45.3; Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Việt Nam.

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT (Phần sở hữu cá nhân)**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)		Số cổ phần sở hữu tại ngày 19/03/2021	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Bùi Quốc Vương	CT HĐQT	0	0	20.000	0,57%
2.	Hoàng Việt	TV HĐQT	15.000	0,43	55.000	1,57%
3.	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT	10.000	0,28	35.000	1,00%
4.	Cù Thanh Nghị	TV HĐQT	0	0	2.000	0,06%
5.	Huỳnh Văn Thạch	TV HĐQT	0	0	0	0

**b, Các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có**

**c, Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi công công trình, trong quản lý tài chính, nên một số chỉ tiêu tài chính tăng trưởng hơn so với các năm trước. Hội đồng quản trị Công ty đã kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. Bằng các Nghị quyết và quyết định của mình, HĐQT đã đưa ra định hướng và các giải pháp để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD. Trong năm 2020 các Nghị quyết, quyết định được đưa ra như sau:

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	04/2020/CT-HĐQT	11/02/2020	- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD và ĐTPT năm 2019; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch SXKD và ĐTPT năm 2020;	4/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự
			- Báo cáo công tác tài chính năm 2019; Phương hướng nhiệm vụ công tác tài chính năm 2020;	
			- Thông qua xử lý công nợ phải thu của Công	



			ty cổ phần điện Hưng Phúc.	
			- Thông qua một số nội dung khác.	
2.	10/2020/NQ-HĐQT	17/03/2020	- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD và ĐTPT năm 2019; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch SXKD và ĐTPT năm 2020;	5/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự
			- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã soát xét; Phương hướng nhiệm vụ công tác tài chính năm 2019;	
			- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019, kế hoạch của BKS 2020.	
			- Thông qua thoái vốn ra ngoài doanh nghiệp tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn.	
			- Thông qua trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi một số công trình.	
			- Thông qua thời gian Đại hội cổ đông, thông qua nội dung tài liệu cho Đại hội cổ đông năm 2020.	
			- Thông qua một số nội dung khác.	
3.	23/2020/NQ-HĐQT	16/04/2020	- Thông qua việc bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3.	5/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự
4.	33/2020/NQ-HĐQT	10/06/2020	- Thông qua kết quả hoạt động SXKD và ĐTPT Quý I năm 2020; dự kiến kết quả SXKD và ĐTPT Quý II năm 2020.	5/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự
			- Tình hình thực hiện Nghị Quyết của đại hội cổ đông thường niên tháng 04 năm 2020.	
			- Thông qua báo cáo việc thực hiện tiến độ thi công Dự án giải quyết ngập do triều khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1);	
			- Thông qua công tác chuẩn bị tổ chức đại hội Đảng bộ Công ty.	
			- Thông qua quyết định ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và kế hoạch thực hiện phòng chống tội phạm năm 2020 của Công ty cổ phần Lilama 45.3.	
			- Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Phó phòng kinh tế kỹ thuật Công ty.	
			- Thông qua một số nội dung khác.	
5.	34A/NQ - HĐQT	16/06/2020	- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020	5/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự
6.	34/NQ - HĐQT	16/06/2020	Thông qua chủ trương kiểm kê thanh lý tài sản không còn sử dụng được.	5/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự



7.	39/NQ - HĐQT	13/08/2020	Thông quan kết quả hoạt động SXKD và ĐTPT 06 tháng đầu năm 2020, Dự kiến kết quả SXKD và ĐTPT quý III năm 2020.	3/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự
8.	42/NQ - HĐQT	24/08/2020	Thông qua việc triển khai kế hoạch xác định lại giá trị Doanh nghiệp và định giá cổ phần của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam – CTCP thời điểm 30/06/2020 cho mục đích thoái vốn theo nội dung công văn số 926/ TCT – TCKT ngày 21/08/2020 của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam – CTCP.	5/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự
9.	42B/NQ - HĐQT	28/10/2020	Thông qua việc Vay vốn, bảo lãnh và sử dụng tài sản đảm bảo tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Quảng Ngãi	5/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự
10.	44/NQ - HĐQT	11/11/2020	Thông quan kết quả hoạt động SXKD và ĐTPT 09 tháng đầu năm 2020, Dự kiến kết quả SXKD và ĐTPT quý IV năm 2020	4/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự
11.	46/NQ - HĐQT	15/12/2020	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.	5/5 đạt 100% tỷ lệ tham dự
II.	CÁC QUYẾT ĐỊNH			
1.	24/QĐ/CT- HĐQT	16/04/2020	- Bổ nhiệm lại Ông Mạc Thanh Hải - giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3	
2.	148/QĐ- HĐQT	29/5/2020	- Ban hành thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Công ty cổ phần Lilama 45.3.	

***d, Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:***

- Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho Nghị quyết của HĐQT.
- Thường xuyên cùng Ban kiểm soát công ty kiểm tra hoạt động tài chính và các hoạt động khác của công ty.
- Có ý kiến kịp thời với Ban Tổng giám đốc và HĐQT khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

***c, Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:***

Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà phân công cho các ủy viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực và tham gia trực tiếp vào các Hội đồng của công ty như: Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng giao khoán.



**f, Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT
2.	Hoàng Việt	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
3.	Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT - Phó tổng GD
4.	Cù Thanh Nghị	Thành viên HĐQT
5.	Huỳnh Văn Thạch	Thành viên HĐQT

**2. Ban kiểm soát**

**a, Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

- + Bà: Phạm Thị Bích Hà                      Trưởng Ban kiểm soát
- + Ông: Trần Ngọc Dũng                      Thành viên Ban kiểm soát
- + Bà: Nông Thị Hồng Nhung              Thành viên Ban kiểm soát

**Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát**

Bà Phạm Thị Bích Hà	Trưởng Ban kiểm soát
Năm sinh:	11/01/1975
Nơi sinh:	Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Tô Hiệu, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
Địa chỉ thường trú:	Tổ 21 phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi.
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ kế toán .
Quá trình công tác:	
Từ tháng 10/1998 đến T12/2010	Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Lilama 45.3
Từ tháng 01/2011 đến tháng 04/2016	Phó phòng TC-KT- Công ty cổ phần Lilama 45.3
Từ tháng 04/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 45.3
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên Ban kiểm soát – PP Kinh tế - Kỹ thuật
Năm sinh:	1974



Nơi sinh:	Kim Xuyên – Sơn Dương – Tuyên Quang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Sơn Đông - Lập Thạch – Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:	229 Lê Duẩn, phường 7, TP Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:	
T5/1996-T6/1996	Nhân viên P. Kỹ thuật – Công ty Lắp máy và XD 45-3
T6/1996-T8/1997	Kỹ thuật thi công Nhà máy đường Yaunpa – Gia Lai
T9/1997-T6/1998	Nhân viên P. KT - KT Công ty Lắp máy và XD 45-3
T7/1998-T4/1999	Đội phó đội CT Nmáy TĐ Sông Hình – Phú yên
T5/1999-T11/1999	Kỹ thuật thi công Nm thủy điện Đa Mi – Hàm Thuận
T12/1999-T2/2001	Kỹ thuật thi công Nm đường Cam Ranh Khánh Hòa.
T3/2001-T 7/2002	NV P.Kinh tế - Tiếp thị, Công ty Lắp máy & XD 45-3.
T8/2002-T10/2003	Nhân viên Phòng KH Đầu tư – Cty LM & XD 45-3
T11/2003-T4/2005	Nhân viên P.KT- KT – Công ty LM & XD 45.3
T5/2005 – nay	Phó phòng Kinh tế kỹ thuật – Công ty CP Lilama 45.3
<b>Bà: Nông Thị Hồng Nhung</b>	<b>Thành viên Ban kiểm soát – chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ Tổng công ty LM Việt Nam – CTCP</b>
05/2010-05/2011	Trợ lý giám đốc Công ty cổ phần giải pháp tối ưu hoá DOS
11/2011-03/2016	Chuyên viên phòng Tài chính - kế toán Công ty cổ phần Lilama Hà Nội
04/2016 – 03/2018	Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ Tổng công ty lắp máy Việt nam – CTCP
04/2018 – nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 45.3, Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ Tổng công ty lắp máy Việt nam – CTCP.

***b, Hoạt động của Ban kiểm soát:***

Năm 2020 Ban kiểm soát tổ chức 05 buổi họp và làm việc với HĐQT và Ban tổng giám đốc, tham gia cùng HĐQT, ban điều hành và các phòng ban liên quan sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản trị nội bộ theo đúng quy định.

Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ và quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty: giám sát, kiểm tra,



thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Tuy Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về các vấn đề có liên quan đến điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty. Tuy nhiên tại các cuộc họp Ban kiểm soát cũng luôn lưu ý và kiến nghị Hội đồng quản trị Công ty về những khó khăn vướng mắc cũng như các rủi ro luôn tiềm ẩn trong công tác thanh toán nhất là dự án chống ngập tại TP Hồ Chí Minh.

Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc khi triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các đội công trình, các cổ đông trong và ngoài Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh các vấn đề có liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên, tuân thủ các chính sách chế độ tài chính hiện hành cũng như việc tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động trong công ty.

Đình kỳ 06 tháng và cả năm 2020, căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, Ban kiểm soát tiến hành thẩm tra báo cáo tài chính và có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những nhận xét kiến nghị đối với HĐQT về diễn biến tình hình hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2020.

*c, Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên BKS (Phần sở hữu cá nhân)*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)		Số cổ phần sở hữu tại ngày 19/03/2021	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Thị Bích Hà	Trưởng BKS	5.800	0,17	2.000	0,06
2	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	38.000	1,08	0	0
3	Nông Thị Hồng Nhung	TV BKS	0	0	0	0

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

*a, Quy định mức Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát cho năm 2020.*

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức lương và thù lao tối đa (đ/người/tháng)	Số tháng /năm	Thành tiền (đồng)
I.	Hội đồng quản trị				
1,	Chủ tịch HĐQT – chuyên trách	01	24.000.000	12	288.000.000
2,	Thành viên HĐQT – kiêm nhiệm	04	2.300.000	12	27.600.000



<b>II.</b>	<b>Ban kiểm soát</b>				
1,	Trưởng BKS chuyên trách	01	15.500.000	12	186.000.000
2,	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	1.750.000	12	21.000.000
<b>III.</b>	<b>Thư ký HĐQT</b>	<b>01</b>	<b>1.210.000</b>	<b>12</b>	<b>14.520.000</b>

*b, Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2020:*

*ĐVT: đồng*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao
1.	Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT	291.792.273	0
2.	Hoàng Việt	TV HĐQT – TGD	279.792.273	27.600.000
3.	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT – PTGD	207.252.273	27.600.000
4.	Cù Thanh Nghị	TV HĐQT – KTT	207.068.181	27.600.000
5.	Huỳnh Văn Thạch	TV HĐQT	0	27.600.000
6.	Phạm Thị Bích Hà	Trưởng BKS	189.468.181	0
7.	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	193.467.523	21.000.000
8.	Nông Thị Hồng Nhung	TV BKS	0	21.000.000
9.	Mạc Thanh Hải	Phó Tổng GD	289.612.042	0
10.	Nguyễn Thị Lệ Thu	Thư ký HĐQT	118.780.000	14.520.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.776.832.746</b>	<b>166.920.000</b>

*Ghi chú:* Tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng ban kiểm soát được chi trả theo mức lương chuyên trách, còn đối với chức danh khác được chi trả mức lương theo Quy chế tiền lương của Công ty cổ phần Lilama 45.3.

*b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.*

*c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có*

## VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam kiểm toán tại ngày 31/12/2020 bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;





Báo cáo kiểm toán ; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

### **1, Ý kiến của kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **2, Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán ( đính kèm).**

Quý cổ đông quan tâm xem chi tiết Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán được công bố thông tin trên trang Website của Công ty theo đường link: <http://www.lilama45-3.com>

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**



*Bùi Quốc Vương*  
BỘ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
*Bùi Quốc Vương*

Lilama 45.3



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020**

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**





<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 3
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	4
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 23



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Lilama 45.3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 340300084 ngày 15/05/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 4400135344.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 3.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn góp thực tế tại ngày 31/12/2020 như sau:

	<b>Số cổ phần</b>	<b>Số tiền tương ứng</b>	<b>Tỷ lệ/Vốn điều lệ</b>
Vốn góp của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP	1.429.000	14.290.000.000	40,83 %
Vốn góp của cổ đông khác	2.071.000	20.710.000.000	59,17 %
	<b>3.500.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100,00 %</b>

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Ông Bùi Quốc Vương	Chủ tịch
Ông Hoàng Việt	Thành viên
Ông Phạm Văn Thìn	Thành viên
Ông Cù Thanh Nghị	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thạch	Thành viên

**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm**

Ông Hoàng Việt	Tổng Giám đốc
Ông Mạc Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Thìn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cù Thanh Nghị	Kế toán trưởng

**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm**

Bà Phạm Thị Bích Hà	Trưởng ban
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên
Bà Nông Thị Hồng Nhung	Thành viên



## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 03 năm 2021

**TM Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Hoàng Việt**



Số: 215 /BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 45.3, được lập ngày 12/03/2021, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**BÙI QUANG HỢP**

**Phó Tổng Giám đốc**

*Giấy CNDKHNKT số 1796-2019-126-1*

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021



**ĐỖ THỊ NGỌC**

**Kiểm toán viên**

*Giấy CNDKHNKT số 3409-2020-126-1*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>350.239.496.527</b>	<b>552.841.289.168</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.596.623.304</b>	<b>9.192.725.957</b>
1. Tiền	111	V.1	7.596.623.304	8.346.695.957
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	846.030.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>184.321.802.501</b>	<b>269.876.987.259</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	165.371.708.015	261.238.852.923
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	16.739.258.591	12.321.647.196
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		4.715.795.094	1.197.943.386
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	595.989.682	729.506.142
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3.100.948.881)	(5.610.962.388)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>158.321.070.722</b>	<b>273.771.575.952</b>
1. Hàng tồn kho	141		158.321.070.722	273.771.575.952
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>43.321.565.169</b>	<b>52.884.585.785</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>1.322.015.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	-	1.322.015.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.738.803.168</b>	<b>23.938.339.984</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	20.738.803.168	18.507.177.753
- Nguyên giá	222		77.263.645.885	72.644.147.380
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(56.524.842.717)	(54.136.969.627)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	-	5.431.162.231
- Nguyên giá	225		-	8.135.177.801
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(2.704.015.570)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		55.000.000	55.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(55.000.000)	(55.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>20.698.000.000</b>	<b>25.600.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.698.000.000	25.600.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.884.762.001</b>	<b>2.024.230.801</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.884.762.001	2.024.230.801
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>393.561.061.696</b>	<b>605.725.874.953</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**( Tiếp theo )**

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>345.398.103.675</b>	<b>557.793.753.156</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>345.398.103.675</b>	<b>557.793.753.156</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	117.214.808.597	97.388.163.946
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	12.556.333.672	172.107.788.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.166.852.943	11.250.161.486
4. Phải trả người lao động	314		544.739.433	2.743.043.381
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	26.999.972.900	30.527.561.061
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.16	49.458.576.603	55.222.287.478
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	31.887.987.925	25.729.845.860
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	96.369.575.622	162.625.645.483
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		199.255.980	199.255.980
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>48.162.958.021</b>	<b>47.932.121.797</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>48.162.958.021</b>	<b>47.932.121.797</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.277.672.000	4.277.672.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.000.546.177	33.000.546.177
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.087.212.068	2.087.212.068
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(26.202.472.224)	(26.433.308.448)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(26.433.308.448)	(26.535.583.771)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		230.836.224	102.275.323
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>393.561.061.696</b>	<b>605.725.874.953</b>

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Thị Hoa

Kế toán trưởng



Cù Thanh Nghị

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.1	500.120.430.751	193.049.176.853
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		500.120.430.751	193.049.176.853
4. Giá vốn hàng bán	11	V.2	472.072.228.134	169.947.985.184
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.048.202.617	23.101.191.669
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.3	122.487.578	65.157.025
7. Chi phí tài chính	22	V.4	21.094.810.582	16.195.207.295
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.652.237.287	15.816.128.729
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.5	6.724.091.570	7.394.037.413
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		351.788.043	(422.896.014)
11. Thu nhập khác	31		279.779.604	626.443.000
12. Chi phí khác	32		400.731.423	101.271.663
13. Lợi nhuận khác	40		(120.951.819)	525.171.337
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		230.836.224	102.275.323
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.6	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		230.836.224	102.275.323
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.7	66	29
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.7	66	29

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Thị Hoa

Kế toán trưởng



Cù Thanh Nghị

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp trực tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	488.973.667.897	132.578.801.846
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(360.177.626.486)	(86.624.691.820)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(30.353.221.774)	(23.317.659.184)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(13.823.050.574)	(13.578.484.455)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(742.870.043)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.307.072.819	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(23.379.658.801)	(6.174.207.430)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>64.547.183.081</b>	<b>2.140.888.914</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(538.336.364)	(488.607.366)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	628.246.000	1.073.854.917
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.196.722	64.860.194
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>113.106.358</b>	<b>650.107.745</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	299.179.799.936	105.035.905.740
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(364.794.976.769)	(110.481.448.992)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(640.893.028)	(2.011.899.453)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(66.256.069.861)</b>	<b>(7.457.442.705)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.595.780.422)</b>	<b>(4.666.446.046)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>9.192.725.957</b>	<b>13.858.875.172</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi</b>	<b>61</b>	<b>(322.231)</b>	<b>296.831</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>7.596.623.304</b>	<b>9.192.725.957</b>

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Thị Hoa

Kế toán trưởng



Cù Thanh Nghị

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lilama 45.3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 340300084 ngày 15/05/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 4400135344.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là xây dựng và lắp đặt thiết bị

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Dầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Dầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

*Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:*

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý, tài sản cố định khác	04 - 06 năm
Tài sản cố định vô hình	03 - 06 năm

*Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:*

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.



Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, tiền sửa chữa, chi phí bảo hiểm xe, chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.**

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.**

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0 %.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Phân ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế



toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

*Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần.*

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và tiền lãi chuyển nhượng cổ phần đầu tư.

### 13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.



**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**17. Các bên liên quan**

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

		Đơn vị tính: đồng	
		31/12/2020	01/01/2020
1.	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
-	Tiền mặt	115.862.978	10.390.760
-	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.480.760.326	8.336.305.197
-	Các khoản tương đương tiền	-	846.030.000
	<b>Cộng</b>	<b>7.596.623.304</b>	<b>9.192.725.957</b>
2.	<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	31/12/2020	01/01/2020
a)	<i>Phải thu của khách hàng</i>		
-	Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	34.458.870.572	34.458.870.572
-	Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	31.426.511.438	30.717.246.000
-	Công ty TNHH Trung Nam BT 1547	26.840.352.837	1.493.194.326
-	Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	18.396.322.643	26.396.322.643
-	Các khách hàng khác	54.249.650.525	168.173.219.382
	<b>Cộng</b>	<b>165.371.708.015</b>	<b>261.238.852.923</b>
b)	<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>		
-	Tổng Công ty Lắp máy Việt nam - CTCP	-	209.514.849
-	Công ty CP Lilama 18	-	1.446.097.566
-	Công ty CP Lilama 69.3	231.602.803	231.602.803
	<b>Cộng</b>	<b>231.602.803</b>	<b>1.887.215.218</b>
3.	<b>Trả trước cho người bán</b>	31/12/2020	01/01/2020
a)	<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
-	Công ty CP Lilama 45.1	10.880.294.591	10.880.294.591
-	Công ty TNHH Minh Bạch	3.013.427.037	36.000.000
-	Các khách hàng khác	2.845.536.963	1.405.352.605
	<b>Cộng</b>	<b>16.739.258.591</b>	<b>12.321.647.196</b>
b)	<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>		
-	Công ty CP Lilama 45.1	10.880.294.591	10.880.294.591
	<b>Cộng</b>	<b>10.880.294.591</b>	<b>10.880.294.591</b>
4.	<b>Phải thu khác</b>	31/12/2020	01/01/2020
		Giá trị	Giá trị
a)	Ngắn hạn	Dự phòng	Dự phòng
-	Phải thu khác	595.989.682	315.963.096
-	Tạm ứng	198.864.960	729.506.142
-		-	315.963.096
b)	Dài hạn	315.963.096	-
-	Kỳ quỹ, kỳ cược	397.124.722	1.322.015.000
	<b>Cộng</b>	<b>595.989.682</b>	<b>315.963.096</b>
		315.963.096	2.051.521.142
			315.963.096



5. Nợ xấu	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>				
- Phải thu khách hàng	2.784.985.785	-	5.294.999.292	-
<i>Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc (Thị công NM thủy điện Đrây H'Linh 3)<sup>(1)</sup></i>				
+ Công ty CP Thủy điện Trà Xom <sup>(2)</sup>	2.490.344.700	-	-	-
+ Công ty đường Quảng Ngãi (NM đường An Khê)	294.641.085	-	-	-
- Tạm ứng	315.963.096	-	315.963.096	-
<b>Cộng</b>	<b>3.100.948.881</b>	<b>-</b>	<b>5.610.962.388</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Khoản phải thu của Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc (Thị công nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 3) đã có Quyết định thi hành án số 1180/QĐ-CCTHADS của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk ngày 11/12/2019, theo đó Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc còn phải trả Công ty số tiền là 2.632.688.416 đồng, số tiền Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc không phải trả là 2.662.310.876 đồng. Trong năm 2020 Công ty đã hoàn nhập khoản phải thu đã trích lập dự phòng trước đó 5.294.999.292 đồng, phần chênh lệch khoản phải thu theo Quyết định thi hành án và khoản phải thu ghi nhận trên sổ kế toán Công ty đã ghi giảm theo quy định hiện hành.

<sup>(2)</sup> Khoản phải thu của Công ty CP Thủy điện Trà Xom (Thị công nhà máy thủy điện Trà Xom) đã được Công ty đệ đơn ra tòa án. Hiện tại, Tòa án đang tiến hành thụ lý vụ việc theo quy định của pháp luật. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% đối với khoản phải thu khó đòi này.

6. Hàng tồn kho	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	29.081.105	-
- Công cụ, dụng cụ	36.339.500	-	182.800.137	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	158.284.731.222	-	273.559.694.710	-
<b>Cộng</b>	<b>158.321.070.722</b>	<b>-</b>	<b>273.771.575.952</b>	<b>-</b>



## 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị ĐCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu kỳ	19.295.501.846	36.737.092.441	14.348.481.908	1.808.071.185	455.000.000	72.644.147.380
Số tăng trong kỳ	-	6.571.772.364	2.147.050.801	-	-	8.718.823.165
- Mua trong kỳ	-	538.336.364	-	-	-	538.336.364
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	6.033.436.000	2.147.050.801	-	-	8.180.486.801
Số giảm trong kỳ	-	3.942.324.660	-	-	157.000.000	4.099.324.660
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.942.324.660	-	-	157.000.000	4.099.324.660
Số dư cuối kỳ	19.295.501.846	39.366.540.145	16.495.532.709	1.808.071.185	298.000.000	77.263.645.885
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	8.710.608.691	32.855.299.047	10.351.545.255	1.772.616.634	446.900.000	54.136.969.627
Số tăng trong kỳ	890.317.260	3.618.032.539	1.610.416.044	14.181.816	5.400.000	6.138.347.659
- Khấu hao trong kỳ	890.317.260	1.268.032.539	1.053.021.030	14.181.816	5.400.000	3.230.952.645
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	2.350.000.000	557.395.014	-	-	2.907.395.014
Số giảm trong kỳ	-	3.593.474.569	-	-	157.000.000	3.750.474.569
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.593.474.569	-	-	157.000.000	3.750.474.569
Số dư cuối kỳ	9.600.925.951	32.879.857.017	11.961.961.299	1.786.798.450	295.300.000	56.524.842.717
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	10.584.893.155	3.881.793.394	3.996.936.653	35.454.551	8.100.000	18.507.177.753
Tại ngày cuối kỳ	9.694.575.895	6.486.683.128	4.533.571.410	21.272.735	2.700.000	20.738.803.168

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2020: 10.488.274.787 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020: 34.046.407.403 đồng

## 8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Số dư đầu kỳ	6.000.000.000	2.135.177.801	8.135.177.801
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	6.000.000.000	2.135.177.801	8.135.177.801
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	6.000.000.000	2.135.177.801	8.135.177.801
Số dư cuối kỳ	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	2.116.841.686	587.173.884	2.704.015.570
Số tăng trong kỳ	233.158.314	53.379.444	286.537.758
- Khấu hao trong kỳ	150.000.000	53.379.444	203.379.444
- Phân loại lại	83.158.314	-	83.158.314
Số giảm trong kỳ	2.350.000.000	640.553.328	2.990.553.328
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	2.350.000.000	557.395.014	2.907.395.014
- Phân loại lại	-	83.158.314	83.158.314
Số dư cuối kỳ	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	3.883.158.314	1.548.003.917	5.431.162.231
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-



## 9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>		
Số dư đầu kỳ	55.000.000	55.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	55.000.000	55.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	55.000.000	55.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	55.000.000	55.000.000
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

## 10. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn (*)	20.698.000.000		25.600.000.000			
<b>Cộng</b>	<b>20.698.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>25.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn đầu tư dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 5, công suất 28MW trên sông Côn, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạch, tỉnh Bình Định. Tổng số vốn góp tại ngày 01/01/2020 là 25.600.000.000 đồng và 512.000.000 đồng cổ tức bằng cổ phần tương đương với 2.611.200 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn.

- Ngày 27/06/2016, Công ty đã ký Hợp đồng số 03/2016/HĐCNCP-VSI và Phụ lục hợp đồng số 01/2019/HĐCNCP-VSI ngày 07/01/2019 với Công ty CP Thủy điện Chu Va về việc chuyển nhượng toàn bộ 2.611.200 cổ phần Công ty đang đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn cho Công ty CP Thủy điện Chu Va. Tuy nhiên do khó khăn về tài chính, ngày 05/03/2020 Công ty CP Thủy điện Chu Va đã có Công văn số 05/CV-CT ngày 05/03/2020 gửi Công ty đề nghị chỉ mua 500.000 cổ phần theo giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương với 5 tỷ đồng Công ty Thủy điện Chu Va đã tạm ứng đợt 1, chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng, làm thủ tục chuyển nhượng 500.000 cổ phần sang cho Công ty CP Thủy điện Chu Va.

- Ngày 17/03/2020, Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty đã chấp thuận thanh lý Hợp đồng mua cổ phần, làm thủ tục chuyển 500.000 cổ phần sang cho Công ty CP Thủy điện Chu Va. Đến ngày 19/03/2020, hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng sau khi đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần sang cho Công ty CP Thủy điện Chu Va.

- Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 21/04/2020, phần giá trị vốn góp còn lại tương ứng 2.111.200 cổ phần đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn Công ty tiếp tục phương án thoái vốn ra bên ngoài.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

## 11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
- Chi phí bảo hiểm tài sản cố định thuê tài chính	-	15.100.983
- Chi phí thuê đất tại Dung Quất	1.884.762.001	1.941.876.001
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	15.781.817
- Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	-	51.472.000
<b>Cộng</b>	<b>1.884.762.001</b>	<b>2.024.230.801</b>



**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá trị	31/12/2020 Số có khả năng trả nợ	Giá trị	01/01/2020 Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trung Nam	1.804.035.146	1.804.035.146	18.924.795.341	18.924.795.341
- Công ty TNHH SX - TM - XNK Phúc An	4.710.000.707	4.710.000.707	12.710.000.707	12.710.000.707
- Công ty CP phát triển công nghiệp Hoàng Dương	49.651.206.135	49.651.206.135	9.973.252.805	9.973.252.805
- Các đối tượng khác	61.049.566.609	61.049.566.609	55.780.115.093	55.780.115.093
<b>Cộng</b>	<b>117.214.808.597</b>	<b>117.214.808.597</b>	<b>97.388.163.946</b>	<b>97.388.163.946</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
- Công ty CP Lilama 7	2.467.653.874	2.467.653.874	2.467.653.874	2.467.653.874
- Công ty CP Lilama 45.4	531.765.215	531.765.215	531.765.215	531.765.215
- Công ty CP Cơ khí lắp máy LILAM	94.380.000	94.380.000	94.380.000	94.380.000
<b>Cộng</b>	<b>3.093.799.089</b>	<b>3.093.799.089</b>	<b>3.093.799.089</b>	<b>3.093.799.089</b>

**13. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2020	01/01/2020
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
- Công ty TNHH Trung Nam BT 1547	4.237.567.521	157.069.343.776
- Công ty CP thủy điện Sông Tranh 4	2.185.073.162	3.962.161.920
- Công ty CP Lilama 45.1	3.124.010.603	3.124.010.603
- Công ty CP Thủy điện Chu va	-	5.000.000.000
- Các khách hàng khác	3.009.682.386	2.952.272.182
<b>Cộng</b>	<b>12.556.333.672</b>	<b>172.107.788.481</b>
<b>b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	1.409.793.614	1.409.793.614
- Công ty CP Lilama 45.1	3.124.010.603	3.124.010.603
<b>Cộng</b>	<b>4.533.804.217</b>	<b>4.533.804.217</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	31/12/2020
<b>a) Phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	8.387.374.382	17.255.379.362	16.548.904.906	9.093.848.838
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1.056.386.450	118.864.746	159.786.878	1.015.464.318
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	276.416.133	111.823.110	331.229.283	57.009.960
- Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.529.984.521	328.253.870	1.857.708.564	529.827
<b>Cộng</b>	<b>11.250.161.486</b>	<b>17.818.321.088</b>	<b>18.901.629.631</b>	<b>10.166.852.943</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



15.	Chi phí phải trả ngắn hạn				31/12/2020		01/01/2020
-	Thù lao Hội đồng quản trị				40.515.000		121.545.000
-	Trích trước chi phí các công trình				26.959.457.900		30.406.016.061
+	Lắp đặt thiết bị Nhà máy Thủy điện Cẩm Thủy				797.088.970		797.088.970
+	Cung cấp lắp đặt thiết bị Nhà máy Thủy điện Trung Sơn				150.000.000		150.000.000
+	Cung cấp lắp đặt thiết bị Nhà máy Thủy điện Trung Thu				180.000.000		180.000.000
+	Cung cấp lắp đặt thiết bị Nhà máy Thủy điện Đắk Pô Cò				335.000.000		335.000.000
+	Lắp đặt thiết bị cơ điện Nhà máy Thủy điện Đắk're				7.692.312.170		8.453.184.715
+	Lắp đặt thiết bị Nhà máy Thủy điện Sông Tranh 3				495.146.021		495.146.021
+	Cung cấp lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công Dự án chống ngập Thành phố Hồ chí Minh				16.900.819.823		18.747.785.048
+	Nhà máy Điện gió Ninh Thuận				409.090.916		1.247.811.307
	Cộng				26.999.972.900		30.527.561.061
16.	Phải trả nội bộ ngắn hạn				31/12/2020		01/01/2020
-	Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP				25.624.278.455		25.624.278.455
-	Phải trả nội bộ các đội công trình				23.834.298.148		29.598.009.023
	Cộng				49.458.576.603		55.222.287.478
17.	Phải trả ngắn hạn khác				31/12/2020		01/01/2020
-	Kinh phí công đoàn				554.119.869		459.619.647
-	Bảo hiểm xã hội				7.801.729.991		9.134.917.195
-	Bảo hiểm y tế				3.384.133.511		3.008.859.600
-	Bảo hiểm thất nghiệp				1.368.202.899		1.214.312.090
-	Các khoản phải trả, phải nộp khác				18.779.801.655		11.912.137.328
+	Chi phí lãi vay phải trả				11.667.863.688		4.838.676.975
+	Cổ tức phải trả				147.218.995		147.218.995
+	Phải trả khác				6.964.718.972		6.926.241.358
	Cộng				31.887.987.925		25.729.845.860
18.	Vay và nợ thuê tài chính						
		Giá trị	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020
			Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	Vay ngắn hạn	96.369.575.622	96.369.575.622	299.179.799.936	365.435.869.797	162.625.645.483	162.625.645.483
+	Vay ngắn hạn <sup>(1)</sup>						
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư & PT Việt Nam - CN Quảng Ngãi	22.097.488.150	22.097.488.150	143.342.810.565	229.363.428.327	108.118.105.912	108.118.105.912
-	Ngân hàng Nông nghiệp & PTNN - CN Đà Nẵng	33.874.710.698	33.874.710.698	-	3.134.513.023	37.009.223.721	37.009.223.721
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Khánh Hòa	-	-	-	14.457.422.822	14.457.422.822	14.457.422.822
-	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trung Nam	33.847.376.774	33.847.376.774	149.286.989.371	117.839.612.597	2.400.000.000	2.400.000.000
-	Ông Nguyễn Thế Giang	6.550.000.000	6.550.000.000	6.550.000.000	-	-	-
+	Nợ thuê tài chính đến hạn trả <sup>(2)</sup>						
-	Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam	-	-	-	640.893.028	640.893.028	640.893.028



<sup>(1)</sup> Thông tin liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức và vay theo món: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/711798/HĐTD ngày 25/01/2019. Hạn mức cho vay và bảo lãnh thanh toán tối đa là 50 tỷ đồng (Dự nợ vay của khách hàng bao gồm cả vay theo hạn mức và vay món tại ngân hàng tại mọi thời điểm tối đa là 108.637.924.264 đồng), thời hạn vay 11 tháng, lãi suất theo thông báo của ngân hàng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Khoản vay được thế chấp bằng các quyền sở hữu và lợi ích đối với toàn bộ sổ cổ phiếu đang sở hữu tại Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn theo hợp đồng cầm cố cổ phiếu số 02/2017/711798/HĐBĐ ngày 01/8/2017 và quyền đòi nợ các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/711798/HĐBĐ ngày 9/6/2017. Khoản vay theo món theo công văn chấp thuận số 929/BIDV.QN-KHDN1 ngày 24/5/2017 của ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam - CN Quảng Ngãi. Hạn mức tín dụng cho vay và cấp bảo lãnh là 336.885.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 11 tháng theo các hợp đồng tín dụng ký kết từng lần giải ngân, lãi suất vay theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Mục đích cho vay theo từng phương án cụ thể để thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ, cấp bảo lãnh thực hiện thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công hạng mục: Công kiểm soát triều Tân Thuận, mương chuối, phủ xuân, Cây khô, cống cầu kinh, cống Bà Bướm, cống nhỏ dưới đê thuộc dự án giải quyết ngập do triều cường khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét diện yếu tố biến đổi khí hậu. Đảm bảo bằng quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế. Tổng số dự nợ vay theo hạn mức và theo món tại thời điểm 31/12/2020 là 22.097.488.150 đồng.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng vay số 04/2018/ARG-LILAMA45.3 ngày 01/4/2018. Hạn mức tín dụng 60 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo thông báo của ngân hàng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là một phần máy móc thiết bị của Công ty. Dự nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2020 là 33.874.710.698 đồng.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam theo các hợp đồng vay, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn từ 8%/năm đến 12%/năm, tài sản đảm bảo là khối lượng Công trình chống ngập TP Hồ Chí Minh. Dự nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2020 là 33.847.376.774 đồng.

- Vay cá nhân Ông Nguyễn Thế Giang theo hợp đồng vay số 01/2020/HDVT ngày 16/01/2020, số tiền vay là 6.550.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

**b) Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tra tiền lãi thuê	31/12/2020 Tra nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tra tiền lãi thuê	01/01/2020 Tra nợ gốc
- Từ 1 năm trở	-	-	-	653.094.546	12.201.518	640.893.028

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa Phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	4.277.672.000	33.000.546.177	2.087.212.068	(26.535.583.771)	47.829.846.474
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	102.275.323	102.275.323
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	102.275.323	102.275.323
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	35.000.000.000	4.277.672.000	33.000.546.177	2.087.212.068	(26.433.308.448)	47.932.121.797
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	230.836.224	230.836.224
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	230.836.224	230.836.224
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	35.000.000.000	4.277.672.000	33.000.546.177	2.087.212.068	(26.202.472.224)	48.162.958.021



<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	31/12/2020	01/01/2020
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	14.290.000.000	14.290.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	20.710.000.000	20.710.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức</b>	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
<b>d) Cổ phiếu</b>	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		
<b>20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán</b>	31/12/2020	01/01/2020
- Ngoại tệ các loại		
+ USD	152,33	165,53

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2020	Đơn vị tính: đồng Năm 2019
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>a) Doanh thu</b>		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	499.986.822.733	193.049.176.853
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	133.608.018	-
<b>Cộng</b>	<b>500.120.430.751</b>	<b>193.049.176.853</b>
<b>b) Doanh thu của các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	-	2.447.106.559
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.447.106.559</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	Năm 2020	Năm 2019
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	472.064.440.071	169.947.985.184
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.788.063	-
<b>Cộng</b>	<b>472.072.228.134</b>	<b>169.947.985.184</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	Năm 2020	Năm 2019
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.196.722	64.860.194
- Lãi bán các khoản đầu tư	98.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.290.856	296.831
<b>Cộng</b>	<b>122.487.578</b>	<b>65.157.025</b>



	Năm 2020	Năm 2019
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	20.652.237.287	15.816.128.729
- Lãi bán hàng trả chậm	442.251.064	379.072.340
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	322.231	6.226
<b>Cộng</b>	<b>21.094.810.582</b>	<b>16.195.207.295</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	4.228.438.474	5.289.193.062
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.784.985.785	-
- Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(2.632.688.416)	-
- Chi phí quản lý khác	2.343.355.727	2.104.844.351
<b>Cộng</b>	<b>6.724.091.570</b>	<b>7.394.037.413</b>
<b>6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
a. Lợi nhuận trước thuế	230.836.224	102.275.323
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	(230.836.224)	(102.275.323)
b1. Các khoản điều chỉnh tăng	-	79.791.250
- Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	-	26.273.470
- Khấu hao vượt mức quy định	-	53.517.780
b2. Các khoản điều chỉnh giảm	(230.836.224)	(182.066.573)
- Kết chuyển lỗ	(230.836.224)	(182.066.573)
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	-	-
d. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>e. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (c*d)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	230.836.224	102.275.323
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	230.836.224	102.275.323
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	66	29
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	66	29
(*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 28/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 21/04/2020, Công ty không trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi khi phân phối lợi nhuận năm 2019. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu không phải tính đến ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.		
<b>8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.878.860.906	59.914.352.208
- Chi phí nhân công	26.505.376.081	29.514.665.198
- Chi phí dự phòng	152.297.369	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.434.332.089	5.485.613.045
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	233.550.489.771	66.109.133.902
<b>Cộng</b>	<b>363.521.356.216</b>	<b>161.023.764.353</b>



**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1 Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Đơn vị góp vốn	Bù trừ công nợ	209.514.849
		Lãi vay vốn lưu động	2.392.156.272

**Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, thư ký**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020		
		Tiền lương	Thù lao	Tổng cộng
Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT	291.792.273	-	291.792.273
Hoàng Việt	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	279.792.273	27.600.000	307.392.273
Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT	207.252.273	27.600.000	234.852.273
Huỳnh Văn Thạch	Thành viên HĐQT	-	27.600.000	27.600.000
Cù Thanh Nghị	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	207.068.181	27.600.000	234.668.181
Mạc Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc	289.612.042	-	289.612.042
Nông Thị Hồng Nhung	Thành viên BKS	-	21.000.000	21.000.000
Trần Ngọc Dũng	Thành viên BKS	193.467.523	21.000.000	214.467.523
Phạm Thị Bích Hà	Trưởng Ban kiểm soát	189.068.181	-	189.068.181
Nguyễn Thị Lệ Thu	Thư ký HĐQT	118.780.000	14.520.000	133.300.000
<b>Cộng</b>		<b>1.776.832.746</b>	<b>166.920.000</b>	<b>1.943.752.746</b>

**3. Báo cáo bộ phận**

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có khác biệt lớn về điều kiện sản xuất kinh và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Thị Hoa

Kế toán trưởng



Cù Thanh Nghị

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt